TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** TỈNH AG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 30-03-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phụng

2. Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh AG tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông N B T1, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp An Bình, xã Mỹ An Hưng A, huyện LV, tỉnh ĐT (có mặt);

2. Bị đơn: Ông N V T2, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 06 ấp Thị 1, xã HA, huyện CM, tỉnh AG (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà H T T Th, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 06 ấp Thị 1, xã HA, huyện CM, tỉnh AG (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và tự khai của ông N B T1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Do chổ bạn bè nên vào ngày 06/02/2011 ông N B T1 có cho ông N V T2 vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay kinh doanh mua bán hàng hóa, thời hạn vay là vài tháng, đến thời hạn trả nợ ông N V T2 không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, ông N B T1 yêu cầu ông N V T2 và bà H T T Th có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Sau đó, đến ngày 28/01/2022 ông T1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất phát sinh, không yêu cầu bà H T T Th có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng. Nay, ông N B T1 yêu cầu ông N V T2 có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất phát sinh.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là tờ biên nhận nợ ngày 06/02/2011 có chữ ký, chữ viết của ông Ngô Tấn Tài (bản chính), giấy xác nhận ngày 26/7/2012 của Uỷ ban nhân dân xã HA

2. Bị đơn: ông N V T2 và bà H T T Th đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông, bà đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông N V T2 và bà H T T Th vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ quan điểm như đã trình bày, và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Ngày 06/12/2021, ông N V T2 có vay của ông N B T1 số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả 01 năm nhưng đến nay ông Tài, chưa trả tiền lãi gốc. Nay ông T1 khởi kiện và bà H T T Th (vợ ông T2) trả 20.000.000 đồng và lãi suất từ khi cho ông T2 vay đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đã rút lại yêu cầu tính lãi suất và yêu cầu bà Th cùng ông T2 trả 20.000.000 đồng, nên căn cứ Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

Phía ông T2, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông T1 với ông T2 xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 06/02/2011, ông T2 vay 20.000.000 đồng của ông T1. Có ghi tên N V T2 và ký tên. Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu ông T2 trả tiền nhưng đến nay ông T2 vẫn chưa thực hiện nên ông T1 khởi kiện yêu cầu ông T2 trả lại số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông N B T1 với ông N V T2.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N B T1.

- Buộc ông N V T2 trả ông N B T1 20.000.000 đồng

- Đình chỉ yêu cầu của ông N B T1 đối với bà H T T Th và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phỉa trả số tiền vay và còn nợ nên quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú huyện CM, tỉnh AG. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông N V T2 và bà H T T Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N V T2 và bà H T T Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2011, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 157; 429 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự; giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn; căn cứ vào giấy biên nhận nợ ngày 06/02/2011 do ông N V T2 xác lập thể hiện

số tiền vay là 20.000.000 đồng, đối với đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H T T Th và rút yêu cầu tính lãi suất phát sinh, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T1 là tự nguyện phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T1 đối với bà Thủy và Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với ông Tài là phù hợp.

[2.2] Ông N V T2 và bà H T T Th trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T2, bà Th vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, đủ căn cứ để xác định ông T2 có vay tiền của ông T1 và vẫn còn nợ tiền vốn là 20.000.000 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận. Buộc ông N V T2 có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 đồng cho ông N B T1 là phù hợp.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng x 5%= 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; và Điều 357; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N B T1.

Buộc ông N V T2 có trách nhiệm trả số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho ông N B T1.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông N B T1 đối với bà H T T Th.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông N B T1 về tiền lãi suất phát sinh trên số tiền 20.000.000 đồng đối với ông N V T2.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N V T2 phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh AG xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu